TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2023
V/*v* "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa.

Ông Nguyễn Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 26/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Đức C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị L (nay là Nguyễn Thị L), sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Đức C trình bày:* Anh và chị Vũ Thị L kết hôn ngày 31/12/2010, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi hết hôn chị L về chung sống cùng anh ngay. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như trong vấn đề làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh và chị L đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhiều lần để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đến ngày 13/01/2022, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L ở thôn H, xã M, huyện Yên Dũng sinh sống và ly thân với anh. Anh và gia đình đã gọi chị L về nhiều lần nhưng chị L không quay về chung sống cùng anh. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung là cháu Phạm Hải N, sinh ngày 12/12/2012; cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 28/4/2015; cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 28/4/2015 và cháu Phạm Minh C, sinh ngày 30/9/2019. Hiện nay 04 con chung đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 4 con chung, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh.

Trường hợp chị L đề nghị được nuôi con chung anh không đồng ý vì lý do chị L thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không có điều kiện về thời gian và kinh tế để chăm sóc con. Bản thân chị L từ khi bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị L ở đến nay chị không thăm nom, chăm sóc gì con chung. Cả 04 cháu đều ở với anh từ nhỏ và do gia đình anh chăm sóc các cháu. Gia đình bố mẹ để chị L có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không giúp chị L chăm sóc các con được.

Bản thân anh là người khuyết tật, tay anh hơi yếu nhưng anh vẫn lao động việc nhẹ nhàng ở nhà, vẫn kinh doanh online và có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 13.000.000 đồng, đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng được các con chung. Hiện tại anh vẫn sinh sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh nên bố mẹ anh giúp anh chăm sóc các cháu, chỉ dạy các cháu học hành thay anh những lúc anh bận công việc.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh và chị L không có gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Vũ Thị L (nay là Nguyễn Thị L): Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng chị L không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, chị L vắng mặt không có lý do.

Ngày 12/5/2023 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa, tại phiên tòa chị L vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Phạm Đức C có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, bỏ mất quyền của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định..

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình để xử:

- Quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức C được ly hôn chị Vũ Thị L (nay là Nguyễn Thị L).

- Con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hải N, sinh ngày 12/12/2012; cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 28/4/2015; cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 28/4/2015 và cháu Phạm Minh C, sinh ngày 30/9/2019 cho anh Phạm Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Anh Phạm Đức C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là anh C đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Đức C là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Vũ Thị L, chị L có nơi cư trú tại Thôn T, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức C và chị Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Đức C và chị Vũ Thị L là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng anh C và gia đình anh C ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như trong vấn đề làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh C và chị L đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh C chị L đã chính thức ly thân từ ngày 13/01/2022 cho đến nay. Nay, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị L.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy: Anh C chị L kết hôn năm 2010. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh C làm dâu và sinh sống tại địa phương. Theo địa phương thì ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có bất đồng trong quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế, từ đầu tháng 01/2022 đến nay chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn H, xã M, huyện Yên Dũng sinh sống, không chung sống cùng anh C nữa, chị L đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, ở trọ ở đó, thỉnh thoảng cuối tuần vẫn về thăm gia đình, sau đó lại đi ngay, địa chỉ cụ thể chỗ chị L thuê trọ thì địa phương không nắm được. Nay anh C xin ly hôn chị L địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của chị Vũ Thị L, bà V cho biết: Anh C, chị L kết hôn năm 2010, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 01/2022 thì vợ chồng anh C chị L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên có bất đồng trong quan điểm sống và hay cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên từ tháng 01/2022 chị L không chung sống cùng anh C nữa mà về chung sống cùng gia đình bà một thời gian sau đó chị đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, cuối tuần vẫn về sống cùng gia đình bà ở thôn H, xã M, huyện Yên Dũng. Địa chỉ cụ thể chỗ chị L làm việc thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Anh C xin ly hôn chị L thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa anh C và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh C được ly hôn với chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh C chị L có 04 con chung là cháu Phạm Hải N, sinh ngày 12/12/2012; cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 28/4/2015; cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 28/4/2015 và cháu Phạm Minh C, sinh ngày 30/9/2019. Hiện 04 con chung đang ở với anh C, các cháu phát triển bình thường. Nay vợ chồng ly hôn, anh C đề nghị được nuôi cả 04 con chung là cháu Phạm Hải N, cháu Phạm Bảo T, cháu Phạm Bảo A và cháu Phạm Minh C. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy hiện nay 04 con chung đều đang ở cùng anh C. Anh C hiện đang kinh doanh online tại nhà thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/01 tháng, đủ khả năng nuôi dậy con. Đồng thời việc chăm sóc các con chung còn có sự giúp đỡ, hỗ trợ từ phía bố mẹ anh C. Chị L từ khi ly thân với anh C đến nay không trực tiếp chăm sóc, quan tâm gì đến các con chung, hiện nay chị L đang ra ngoài thuê trọ, chỗ ở không ổn định. Phía địa phương và gia đình chị L đều khẳng định chị L không có khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung tốt bằng anh C và đề nghị Tòa án giao cả 04 con chung là cháu Phạm Hải N, cháu Phạm Bảo T, cháu Phạm Bảo A và cháu Phạm Minh C cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định và phát triển tốt nhất thì cần chấp nhận yêu cầu của anh C, giao cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung là cháu Phạm Hải N, cháu Phạm Bảo T, cháu Phạm

Bảo A và cháu Phạm Minh C là phù hợpvới khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi vợ chồng ly hôn, chị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh C là người khuyết tật, thuộc đối tượng được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh C.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức C được ly hôn chị Vũ Thị L (nay là Nguyễn Thị L).

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung là cháu Phạm Hải N, sinh ngày 12/12/2012; cháu Phạm Bảo T, sinh ngày 28/4/2015; cháu Phạm Bảo A, sinh ngày 28/4/2015 và cháu Phạm Minh C, sinh ngày 30/9/2019.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Phạm Đức C được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả anh Phạm Đức C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009833 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã M, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh